

BẢNG THIẾT KẾ MA TRẬN ĐỀ

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	PHÂN SỐ	Khái niệm phân số	1 0,25								5 2đ 20%
		So sánh phân số			1 0,25						
		Cộng, trừ, nhân, chia phân số				2 1				1 0,5	
2	SỐ THẬP PHÂN	Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm	1 0,25		1 0,25			2 1,5			6 3đ 30%
		Các phép tính với số thập phân				2 1					20%
3	MỘT SỐ HÌNH HỌC CƠ BẢN	Điểm, đường thẳng. Tia.	1 0,25								6 3,25 đ 32,5 %
		Đoạn thẳng, trung điểm đt						2 1			
		Góc	2 0,5	1 0,5							
4	XÁC SUẤT THỐNG KÊ	Dữ liệu và thu thập dữ liệu	2 0,5								8 3,25 đ 32,5 %
		Bảng thống kê, biểu đồ tranh			2 0,5			1 0,5			
		Biểu đồ cột, biểu đồ cột kép						2 1			
		Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm	1 0,25								
Tổng			8 2	1 0,5	4 1	4 2		7 4		1 0,5	25 10 đ
			25%		30%		40%		0,5%		100
Tỉ lệ chung			55%				45%				100

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	PHÂN SỐ	Khái niệm phân số	Nhận biết - Số đối của một phân số.	1(TN)			
		So sánh phân số	Thông hiểu : So sánh được hai phân số.		1(TN)		
		Cộng, trừ, nhân, chia phân số	Thông hiểu: Thực hiện phép tính về phân số Vận dụng: Tính tổng theo quy luật			2(TL)	1 (TL)
2	SỐ THẬP PHÂN	Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm	Nhận biết Nhận biết tỉ số của hai số	1(TN)			
			Thông hiểu: Tính tỉ số % của hai số Vận dụng: giải bài toán thực tế		1(TN)	2 (TL)	
		Các phép tính với số thập phân	Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.		2(TL)		
3	MỘT SỐ HÌNH HÌNH HỌC CƠ BẢN	Điểm, đường thẳng. Tia.	Nhận biết: – Nhận biết được tia	1(TN)			
		Đoạn thẳng	Thông hiểu: Tính được độ dài đoạn thẳng, chứng minh trung điểm của đoạn thẳng		2 (TL)		
		Góc	Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm góc. – Chỉ ra được góc tù, góc nhọn	2(TN) 1(TL)			
4	XÁC SUẤT THỐNG KÊ	Dữ liệu và thu thập dữ liệu	Nhận biết: Tính hợp lí của dữ liệu	2(TN)			
		Bảng thống kê, biểu đồ tranh	Thông hiểu: – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép Vận dụng: Lập bảng thống kê		2(TN)	1(TL)	

		Biểu đồ cột, biểu đồ cột kép	<i>Vận dụng:</i> Dựa vào biểu đồ cột kép đưa ra các nhận xét			2(TL)	
		Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm	<i>Nhận biết</i> – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.	1(TN)			

Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm) Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Phân số bằng phân số $\frac{-4}{5}$ là A. $\frac{-8}{-10}$. B. $\frac{12}{15}$. C. $\frac{-12}{15}$. D. $\frac{8}{10}$

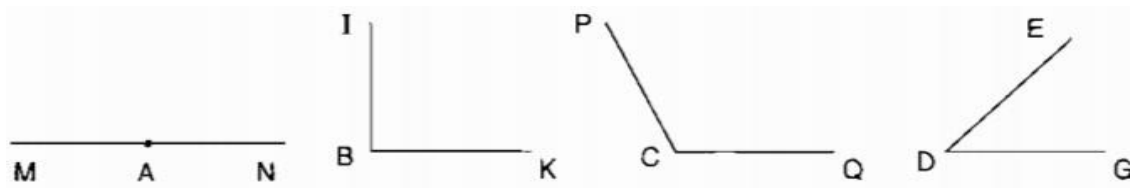
Câu 2: Kết quả của phép tính $\frac{1}{2} + \frac{-2}{3}$ là:

A. $\frac{-1}{5}$ B. $\frac{1}{5}$ C. $\frac{-1}{6}$ D. $\frac{1}{6}$

Câu 3: Giá trị của x thỏa mãn $3,75 - x = 5,2$ là

A. 2,45 B. 1,2 C. 8,95 D. -1,45

Câu 4: Trong các góc sau, góc nào là góc tù?



A. $\widehat{MAN}$ B. $\widehat{IBK}$ C. $\widehat{PCQ}$ D. $\widehat{EDG}$

Câu 5: Cho đoạn thẳng $PQ = 16\text{cm}$. Điểm I là trung điểm của đoạn thẳng PQ. Độ dài đoạn thẳng PI là:

A. 8 cm B. 6 cm C. 4 cm D. 2 cm

Câu 6: Góc là hình gồm

- A. Hai tia ở giữa hai nửa mặt phẳng đối nhau. C. Hai tia cắt nhau
B. Hai tia cùng thuộc một mặt phẳng D. Hai tia chung gốc

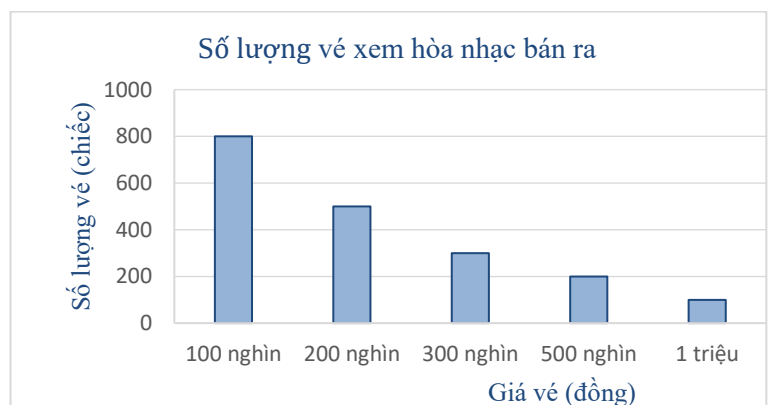
Quan sát biểu đồ sau và cho biết:

Câu 7: Có bao nhiêu vé mệnh giá 300 nghìn đồng được bán ra?

A. 300. B. 200. C. 400. D. 500.

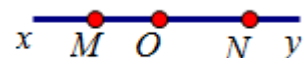
Câu 8: Loại vé nào bán được nhiều nhất?

- A. Vé có mệnh giá 100 nghìn
B. Vé có mệnh giá 200 nghìn
C. Vé có mệnh giá 400 nghìn
D. Vé có mệnh giá 500 nghìn



Câu 9: Cho hình sau. Chọn câu sai

- A. Hai tia OM và MO là hai tia đối nhau
B. Hai điểm O và M nằm cùng phía đối với điểm N
C. Hai điểm M và N nằm khác phía đối với điểm O
D. Hai tia OM và ON là hai tia đối nhau.



Câu 10: 25% của 12 là: A. 2 B. 3 C. 4 D. 6

Câu 11: Làm tròn 12, 463 đến hàng phần mười

A. 12,46. B. 12,5 C. 12,4 D. 12

Câu 12: Cho dãy số liệu về cân nặng (theo đơn vị kilôgam) của 15 học sinh lớp 6 như sau:

40	41	39	45	43	40	41	42	40	39	41	42	45	41	42
----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

Dựa vào bảng hãy cho biết có bao nhiêu bạn nặng hơn 40 kilôgam?

A. 3

B. 13

C. 11

D. 10

Phần II: Tư luận (7 điểm)

Bài 1 (2đ): Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

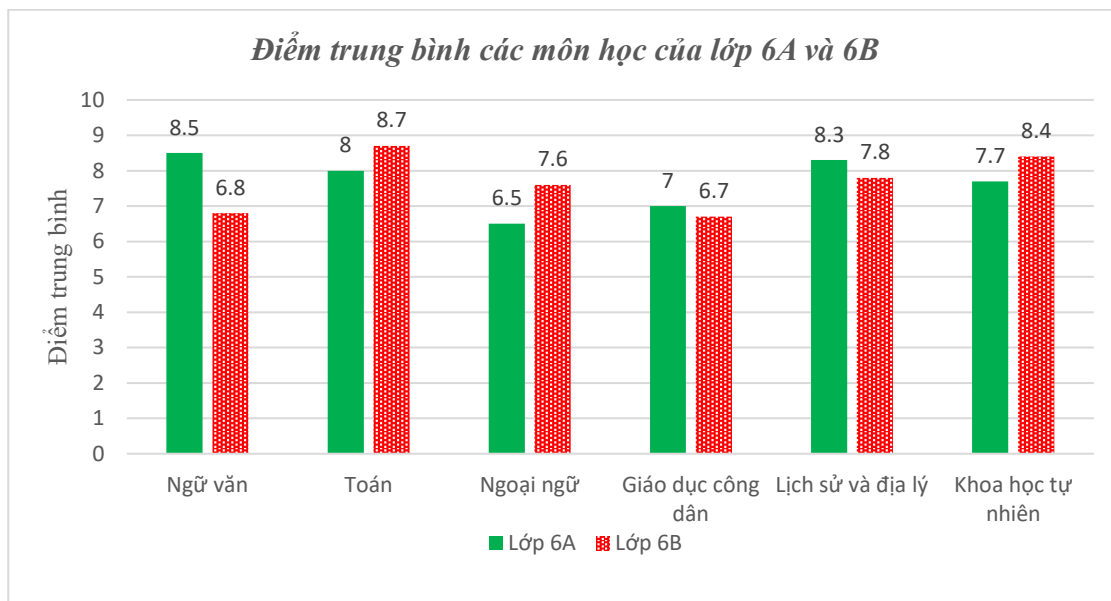
a) $\frac{4}{5} + \frac{-3}{2}$

b) $\frac{-5}{23} \cdot \frac{17}{25} + \frac{-5}{23} \cdot \frac{8}{25}$

c) $(5,25 - 16,5) - (13,5 + 2,25)$

d) $25\% - 1\frac{1}{2} + 0,5 \cdot \frac{12}{5}$

Bài 2 (1,5đ): Cho biểu đồ cột kép sau



a) Hãy cho biết lớp nào có điểm trung bình môn Toán cao hơn?

b) Lập bảng thống kê điểm trung bình của hai lớp?

c) Lớp nào học các môn học tự nhiên tốt hơn? Vì sao?

Bài 3 (1,5đ): Bác An đến điện máy xanh để mua một chiếc tủ lạnh. Tại cửa hàng một chiếc tủ lạnh có giá bán lẻ là 15 triệu đồng. Nhưng nhân dịp 30/4 – 1/5 cửa hàng đã giảm giá 20% của giá bán lẻ.

a) Tính số tiền được giảm giá và số tiền bác An phải trả?

b) Tính tỉ số phần trăm của số tiền được giảm giá với số tiền bác An phải trả?

Bài 4 (1,5đ): Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho OA = 4cm, OB = 8cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB.

b) Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?

c) Vẽ tia Oy sao cho $\widehat{xOy} = 70^\circ$ và tia Oz là tia đối của tia Ox. Chỉ ra các góc nhọn, góc tù trên hình vẽ.

Bài 5 (0,5đ): Tìm x biết

$$\frac{1}{21} + \frac{1}{28} + \frac{1}{36} + \dots + \frac{2}{x \cdot (x+1)} = \frac{2}{9}$$

Hết

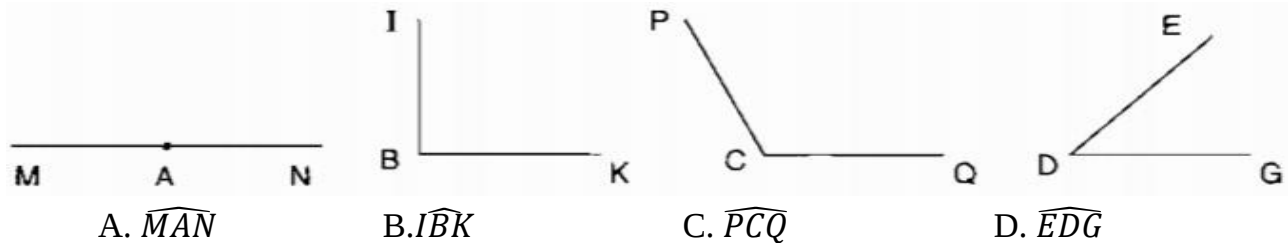
Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm) Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Phân số bằng phân số $\frac{-3}{7}$ là A. $\frac{-6}{-14}$ B. $\frac{12}{28}$ C. $\frac{-12}{28}$ D. $\frac{6}{14}$

Câu 2: Kết quả của phép chia $\frac{5}{6} : \frac{-1}{2}$ là: A. $\frac{5}{-3}$ B. $\frac{10}{6}$ C. $\frac{-5}{12}$ D. $\frac{5}{6}$

Câu 3: Giá trị của x thỏa mãn $5,35 - x = 6,5$ là A. 1,15 B. 1,3 C. 11,85 D. -1,15

Câu 4: Trong các góc sau, góc nào là góc bẹt?

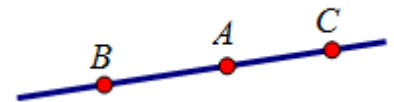


Câu 5: Cho đoạn thẳng $AB = 8\text{cm}$. Điểm M nằm giữa hai điểm A và B sao cho $AM = 3\text{cm}$. Độ dài đoạn thẳng BM là:

- A. 2 cm B. 3 cm C. 4 cm D. 5 cm

Câu 6: Cho hình sau. Chọn câu sai

- A. Hai điểm A và B nằm cùng phía đối với điểm C
B. Hai điểm C và B nằm khác phía đối với điểm A
C. Hai điểm A và C nằm cùng phía đối với điểm B
D. Tất cả các câu trên đều sai



Câu 7: 15% của 60 là: A. 4 B. 9 C. 12 D. 18

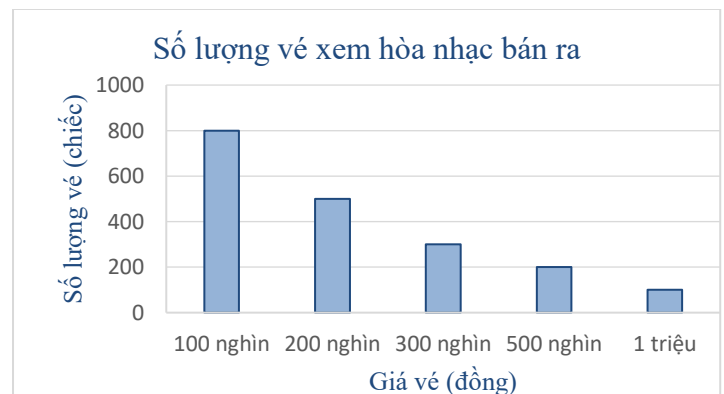
Quan sát biểu đồ sau và cho biết:

Câu 8: Có bao nhiêu vé mệnh giá 200 nghìn đồng được bán ra?

- A. 300. B. 200. C. 800. D. 500.

Câu 9: Loại vé nào bán được ít nhất?

- A. Vé có mệnh giá 100 nghìn
B. Vé có mệnh giá 200 nghìn
C. Vé có mệnh giá 400 nghìn
D. Vé có mệnh giá 1 triệu



Câu 10: Góc là hình gồm

- A. Hai tia cắt nhau C. Hai tia ở giữa hai nửa mặt phẳng đối nhau.
B. Hai tia chung gốc D. Hai tia cùng thuộc một mặt phẳng

Câu 11: Làm tròn 24, 163 đến hàng phần mười

- A. 24,1. B. 24,2 C. 24,16 D. 24

Câu 12: Cho dãy số liệu về cân nặng (theo đơn vị kilôgam) của 15 học sinh lớp 6 như sau:

40	41	39	45	43	40	41	42	40	39	41	42	45	41	42
----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

Dựa vào bảng hãy cho biết có bao nhiêu bạn nhẹ hơn 42 kilôgam?

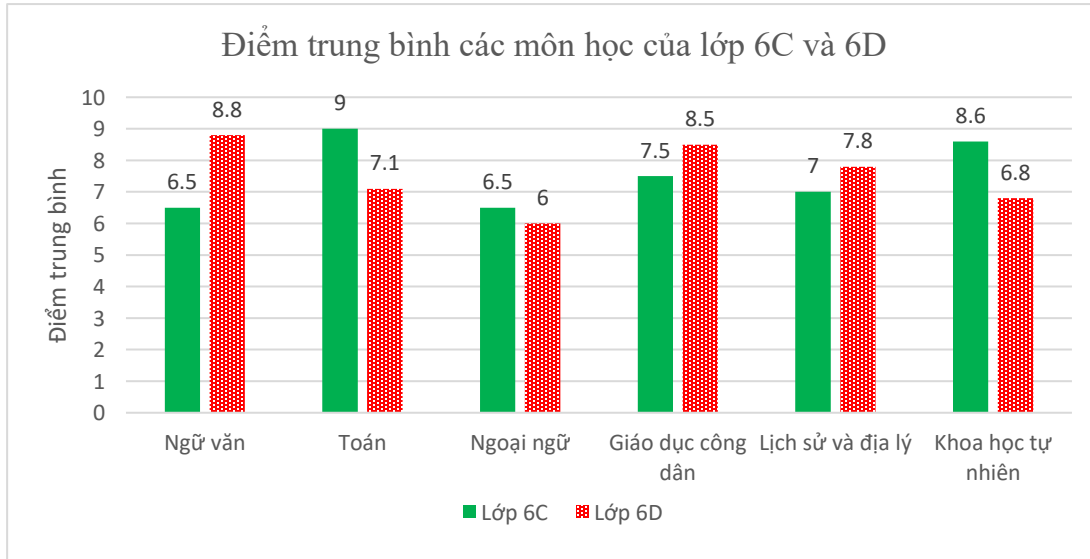
- A. 3 B. 8 C. 9 D. 10

Phần II: Tự luận (7 điểm)

Bài 1 (2đ): Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

- a) $\frac{2}{3} + \frac{-5}{4}$ b) $\frac{-5}{24} \cdot \frac{17}{21} + \frac{-5}{24} \cdot \frac{4}{21}$
c) $(6,15 - 15,5) - (14,5 + 1,15)$ d) $25\% - 1\frac{1}{2} + 0,5 \cdot \frac{14}{5}$

Bài 2 (1,5đ) Cho biểu đồ cột kép sau



- a) Hãy cho biết lớp nào có điểm trung bình môn Ngữ văn cao hơn?
b) Lập bảng thống kê điểm trung bình của hai lớp?
c) Lớp nào học các môn xã hội tốt hơn? Tại sao?

Bài 3 (1,5đ): Cô Ngân đến siêu thị Big C để mua một chiếc máy giặt. Tại siêu thị một chiếc máy giặt có giá niêm yết là 20 triệu đồng. Nhưng nhân dịp 30/4 – 1/5 siêu thị đã giảm giá 20% của giá niêm yết.

- a) Tính số tiền được giảm giá và số tiền cô Ngân phải trả?
b) Tính tỉ số phần trăm của số tiền được giảm giá với số tiền cô Ngân phải trả?

Bài 4 (1,5đ): Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho OA = 3cm, OB = 5 cm.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng AB.
b) Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?
c) Vẽ tia Oy sao cho $\widehat{Oy} = 60^\circ$ và tia Oz là tia đối của tia Ox. Chỉ ra các góc nhọn, góc tù trên hình vẽ.

Bài 5 (0,5đ) Tìm x biết

$$\frac{1}{21} + \frac{1}{28} + \frac{1}{36} + \dots + \frac{2}{x \cdot (x+1)} = \frac{2}{9}$$

Hết.

Phần I trắc nghiệm (3 điểm) - Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	D	C	A	D	A	A	A	B	B	D

Phần II tự luận (7 điểm)

Bài	Nội dung	Biểu điểm																					
Bài 1 (2đ)	a) $\frac{4}{5} + \frac{-3}{2} = -\frac{7}{10}$	0,5 điểm																					
	b) $\frac{-5}{23} \cdot \frac{17}{25} + \frac{-5}{23} \cdot \frac{8}{25} = \frac{-5}{23}$	0,5 điểm																					
	c) $(5,25 - 16,5) - (13,5 + 2,25) = -27$	0,5 điểm																					
	d) $25\% - 1\frac{1}{2} + 0,5 \cdot \frac{12}{5} = -\frac{1}{20}$	0,5 điểm																					
Bài 2 (1,5đ)	a) Lớp có điểm trung bình môn Toán cao hơn là lớp 6B	0,25điểm																					
	b) Lập bảng thống kê	0,75điểm																					
	<table><tr><td></td><td>Ngữ văn</td><td>Toán</td><td>NN</td><td>CD</td><td>LS&Đ L</td><td>KHTN</td></tr><tr><td>Lớp 6A</td><td>8,5</td><td>8</td><td>6,5</td><td>7</td><td>8,3</td><td>7,7</td></tr><tr><td>Lớp 6B</td><td>6,8</td><td>8,7</td><td>7,6</td><td>6,7</td><td>7,8</td><td>8,4</td></tr></table>		Ngữ văn	Toán	NN	CD	LS&Đ L	KHTN	Lớp 6A	8,5	8	6,5	7	8,3	7,7	Lớp 6B	6,8	8,7	7,6	6,7	7,8	8,4	0,5điểm
		Ngữ văn	Toán	NN	CD	LS&Đ L	KHTN																
Lớp 6A	8,5	8	6,5	7	8,3	7,7																	
Lớp 6B	6,8	8,7	7,6	6,7	7,8	8,4																	
c) Lớp 6B học các môn tự nhiên tốt hơn vì các môn Toán và KHTN lớp 6B có điểm trung bình cao hơn																							
Bài 3 (2đ)	a) Số tiền được giảm giá là 20. 15% = 3 triệu đồng Số tiền bác An cần trả cửa hàng là 15 – 3 = 12 triệu đồng	0,5 điểm 0,5 điểm																					
	b) Tỉ số phần trăm của số tiền giảm giá và số tiền phải trả là 3 : 12 .100% = 25%	0,5điểm																					
	Bài 4 (1,5đ)		0,5điểm																				
a. Tính được độ dài đoạn thẳng AB = 4cm																							
b.Trả lời và giải thích A là trung điểm đoạn thẳng OB		0,5 điểm																					
	c. Vẽ góc $\widehat{xOy} = 70^0$ Chỉ ra các góc nhọn, góc tù	0,5 điểm																					
	Bài 5 (0,5đ)	$\frac{1}{21} + \frac{1}{28} + \frac{1}{36} + + \frac{2}{x. (x + 1)} = \frac{2}{9}$ Tìm đúng x = 17	0,5 điểm																				

Phần I trắc nghiệm (3 điểm) - Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	D	A	D	D	B	D	D	B	A	C

Phần II tự luận (7 điểm)

Bài	Nội dung	Biểu điểm																					
Bài 1 (2đ)	a) $\frac{2}{3} + \frac{-5}{4} = -\frac{7}{12}$	0,5 điểm																					
	b) $\frac{-5}{24} \cdot \frac{17}{21} + \frac{-5}{24} \cdot \frac{4}{21} = \frac{-5}{24}$	0,5 điểm																					
	c) $(6,15 - 15,5) - (14,5 + 1,15) = -25$	0,5 điểm																					
	d) $25\% - 1\frac{1}{2} + 0,5 \cdot \frac{14}{5} = \frac{3}{20}$	0,5 điểm																					
Bài 2 (1,5đ)	a) Lớp có điểm trung bình môn ngữ văn cao hơn là lớp 6D	0,25điểm																					
	b) Lập bảng thống kê	0,75điểm																					
	<table><tr><td></td><td>Ngữ văn</td><td>Toán</td><td>NN</td><td>CD</td><td>LS&ĐL</td><td>KHTN</td></tr><tr><td>Lớp 6C</td><td>6,5</td><td>9</td><td>6,5</td><td>7,5</td><td>7</td><td>8,6</td></tr><tr><td>Lớp 6D</td><td>8,8</td><td>7,1</td><td>6</td><td>8,5</td><td>7,8</td><td>6,8</td></tr></table>			Ngữ văn	Toán	NN	CD	LS&ĐL	KHTN	Lớp 6C	6,5	9	6,5	7,5	7	8,6	Lớp 6D	8,8	7,1	6	8,5	7,8	6,8
			Ngữ văn	Toán	NN	CD	LS&ĐL	KHTN															
Lớp 6C	6,5	9	6,5	7,5	7	8,6																	
Lớp 6D	8,8	7,1	6	8,5	7,8	6,8																	
c) Lớp 6D học các môn xã hội tốt hơn vì các môn ngữ văn, công dân, lịch sử và địa lý lớp 6D có điểm trung bình cao hơn	0,5điểm																						
Bài 3 (2đ)	a) Số tiền được giảm giá là 20. 20% = 4 triệu đồng Số tiền cô Ngân cần trả cửa hàng là 20 - 4 = 16 triệu đồng	0,5 điểm																					
	b) Tỷ số phần trăm của số tiền giảm giá và số tiền phải trả là 4 : 16 .100% = 25%	0,5 điểm																					
		0,5điểm																					
Bài 4 (1,5đ)		0,5 điểm																					
	a. Tính được độ dài đoạn thẳng AB = 2cm																						
	b. Trả lời và giải thích A không là trung điểm đoạn thẳng OB	0,5 điểm																					
Bài 5 (0,5đ)	c. Vẽ góc $\widehat{xOy} = 60^0$ Chỉ ra các góc nhọn, góc tù	0,5 điểm																					
	$\frac{1}{21} + \frac{1}{28} + \frac{1}{36} + + \frac{2}{x.(x+1)} = \frac{2}{9}$ Tìm đúng x = 17	0,5 điểm																					

(Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa)

Giáo viên ra đề: **Hồ Thị Lan**

Giáo viên soát đề

Phù Đổng, ngày 14 tháng 4 năm 2024

BGH DUYỆT ĐỀ
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thanh